TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **99**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2022
Về việc: "Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Dũng

2. Ông Nguyễn Thành Thái

- Thư ký ghi biên bản: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất: không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại truï sôû Toaø aùn nhaân daân huyeän Hoøn Ñaát, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 246/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 về việc **"**Không công nhận quan hệ vợ chồng**"** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hồng T, sinh năm 1977 (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1975 (có mặt)

Các đương sự cùng địa chỉ: Ấp Bình Thuận, xã BD, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn xin ly hôn, bà Lê Thị Hồng T trình bày:*

Về hôn nhân: Tôi và anh T1 thương nhau và đi đến hôn nhân vào năm 1995, hai gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời kỳ hôn nhân, chúng tôi có 03 con chung tên Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh năm 1996; Nguyễn Lê Khánh Như, sinh ngày 10/6/2005 và Nguyễn Lê Bảo An, sinh ngày 14/02/2013**.** Từ năm 2016 vợ chồng tôi thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do anh T1 hay tụ tập bạn bè ăn nhậu rồi về kiếm chuyện đánh đập tôi. Tôi

đã chịu đựng nhiều năm nay hy vọng anh T1 sẽ thay đổi nhưng cuộc sống gia đình vẫn không cải thiện được.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi với anh T1.

Về con chung: Cháu Yến Nhi đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với 2 cháu Khánh Như và Bảo An thì tôi đồng ý giao con cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng do hiện nay tôi đang ở trọ, chưa có điều kiện tốt để lo cho con. Tôi sẽ cấp dưỡng nuôi con tùy theo khả năng của mình.

Về tài sản chung: Tôi và anh T1 sẽ tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có

** Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày:*

Tôi thống nhất với trình bày của cô T về quan hệ hôn nhân, quan hệ con cái.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Do hai bên không hợp nhau nhiều mặt nên không hòa hợp được trong cuộc sống chung.

Nay cô T có đơn ra Tòa án yêu cầu được ly hôn với tôi thì tôi cũng đồng ý ly hôn để mỗi người có cuộc sống riêng của mình.

- Về con chung: Tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi các con, không yêu cầu cô T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về *quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà Lê Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1. Phía bị đơn cư trú tại ấp Bình Thuận, xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về quan hệ hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa Bà Lê Thị Hồng T và ông Nguyễn Văn T1 được xác lập vào năm 1995 nhưng ông bà không đi đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, hai bên xảy ra mâu thuẫn từ năm 2013 và kéo dài đến nay. Nguyên nhân chính là do cả hai ông bà không còn sự thương yêu, tôn trọng lẫn nhau, từ đó hạnh phúc gia đình bị đổ vỡ, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa không thể hàn gắn được.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 không có đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông T1.

[3]. Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh năm 1996; Nguyễn Lê Khánh Như, sinh ngày 10/6/2005 và Nguyễn Lê Bảo An, sinh ngày 14/02/2013. Trong đó cháu Yến Nhi đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên Tòa án không xem xét giải quyết. Đối với các cháu Khánh Như và Bảo An, bà T cho rằng hiện tại bà chưa có nhà cửa, công việc ổn định nên chưa đảm bảo cho các con có cuộc sống tốt hơn; do đó bà giao cho ông T1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con. Tại phiên tòa ông T1 cũng đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các con. Việc thỏa thuận này là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên HĐXX ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nên HĐXX không xem xét..

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T.

[6]. *Về án phí:* Bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, 227, 228 266 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng các Điều 8, 9,14, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Hồng T và ông Nguyễn Văn T1

2. Về con chung:

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cho ông Nguyễn Văn T1 tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Lê Khánh Như, sinh ngày 10/6/2005 và Nguyễn Lê Bảo An, sinh ngày 14/02/2013 đến khi các con đến tuổi trưởng thành.

Trong thời gian ông T1 nuôi dưỡng con chung, bà T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha (mẹ) các cháu hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên HĐXX không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị Hồng T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu số 0007973 ngày 02 tháng 6 năm 2022. Bà T không phải nộp thêm.

Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc